

BIỆN PHÁP VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MEASURES TO APPLY INTERACTIVE PEDAGOGICAL VIEW IN TEACHING EDUCATION AT UNIVERSITY OF EDUCATION, THE UNIVERSITY OF DANANG

Lê Thị Duyên

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; duyentl05@gmail.com

Tóm tắt - Quan điểm sự phạm tương tác là hướng mới trong cải cách giáo dục hiện nay nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Quan điểm này dựa trên việc xem xét mối quan hệ tác động qua lại của cả ba yếu tố tham gia vào quá trình giáo dục là người dạy, người học và môi trường. Để tăng cường mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố này có thể áp dụng các biện pháp như: Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin; xây dựng các chuẩn năng lực bao gồm các chuẩn năng lực về kiến thức và các chuẩn năng lực về tương tác xã hội; xây dựng các bài tập tình huống gắn liền với ngữ cảnh; xây dựng môi trường học tập phù hợp, thân thiện trong dạy học; đa dạng hóa các loại hình, phương pháp và chủ thể tham gia trong quá trình kiểm tra đánh giá. Kết quả thực nghiệm sự phạm khi vận dụng các biện pháp này đã chứng minh tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp đề ra.

Từ khóa - sự phạm tương tác; vận dụng quan điểm; biện pháp; giáo dục học; Đại học Đà Nẵng.

Abstract - Interactive pedagogical view is a new direction in the current education reform in order to improve teaching quality. This view is based on a review of the relationship and the interaction of all three elements involved in the educational process, namely teachers, students and the environment. To enhance the interactive relationship among these factors, we may apply such measures as: using active teaching methods; increasing the use of teaching facilities and information technology; building capacity standards including standards in knowledge capacity and competency standards in social interaction; developing case studies connected with the context; building a friendly and appropriate learning environment in teaching; diversifying forms and methods of testing and assessment with the involvement of students. Pedagogical Experimental results when applying these measures have proven the effectiveness and feasibility of the proposed measures.

Key words - Interactive Pedagogy; apply view; solution; education; The University of Danang.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học từ lâu đã trở thành yêu cầu phát triển giáo dục của Đảng và nhà nước ta. Điều 5, Luật Giáo dục năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định rõ “*Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên*”[3].

Quan điểm sự phạm tương tác (SPTT) là một cách tiếp cận mới nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Tác giả Jean - Marc Denomme và Madeleine Roy cho rằng *SPTT là cách tiếp cận hoạt động dạy học dựa trên việc xem xét mối quan hệ, tác động qua lại giữa ba nhân tố người dạy, người học và môi trường trong hoạt động sự phạm* [1].

Việc vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học môn giáo dục học (GDH) giúp đáp ứng được mục tiêu hình thành năng lực cho người học, giúp tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên (SV). Đồng thời tiếp cận này giúp giảng viên (GV) dạy GDH có cái nhìn năng động, toàn diện hơn, không bỏ qua bất kỳ yếu tố nào có lợi cho việc tổ chức, thiết kế hoạt động dạy một cách hiệu quả [2].

Dựa vào thực trạng vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học môn GDH tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, chúng tôi đề xuất một số biện pháp vận dụng quan điểm này trong dạy học bộ môn nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

Để đề xuất các biện pháp vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học môn GDH tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, chúng tôi dựa trên các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo tính hệ thống, kế thừa;
- Đảm bảo sự tương tác giữa người dạy, người học và môi trường;
- Đảm bảo vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của người học;
- Đảm bảo tính thực tiễn và phát triển.

2.2. Các biện pháp vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học môn GDH tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

2.2.1. Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực phát huy sự chủ động, sáng tạo và tương tác của người học

a. Mục tiêu của biện pháp

Vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học để tổ chức hoạt động nhận thức của SV trong các giờ học môn GDH.

2.2.2. Nội dung của biện pháp

Trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức thực hiện giảng dạy môn GDH GV lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: Phương pháp dạy học nhóm; phương pháp xử lý bài tập tình huống; phương pháp dạy học dự án; phương pháp sắm vai; phương pháp thực hành.

2.2.3. Tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin trong dạy học

a. Mục tiêu của biện pháp

Vận dụng quan điểm SPTT nhằm thay đổi nhận thức, kỹ thuật, cường độ sử dụng phương tiện dạy học nhất là các phương tiện dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong các giờ học môn GDH.

b. Nội dung biện pháp

Trên cơ sở các phương pháp, kỹ thuật dạy học đã được

xác định, GV lựa chọn, thiết kế, sử dụng các phương tiện dạy học nhất là các phương tiện dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ tối đa quá trình hình thành tri thức, kĩ năng mới cho người học, góp phần nâng cao hứng thú, hiệu quả học tập của SV.

2.2.4. Xây dựng các chuẩn năng lực cần hình thành trong từng bài, từng chương, trong đó bao gồm các chuẩn năng lực về kiến thức và các chuẩn năng lực về tương tác xã hội

a. Mục tiêu của biện pháp

Việc xây dựng các chuẩn năng lực, trong đó có bao gồm các chuẩn năng lực về kiến thức và các chuẩn năng lực về tương tác xã hội sẽ giúp định hướng cho quá trình tổ chức hoạt động dạy học theo quan điểm SPTT.

b. Nội dung của biện pháp

Dựa trên việc phân tích yếu tố người học, nội dung dạy học, nhu cầu của xã hội và lý luận về các yếu tố của quá trình SPTT xác định các chuẩn năng lực, bao gồm:

* Chuẩn năng lực về kiến thức: Hệ thống tri thức mà người học cần hình thành trong hoạt động dạy học.

* Chuẩn năng lực về tương tác xã hội, gồm năng lực:

- Năng lực tìm kiếm thông tin;
- Năng lực giải quyết và xử lý tình huống;
- Năng lực tương tác với bạn bè và thầy cô trong hoạt động học tập;
- Năng lực sáng tạo và tư duy phê phán trong hoạt động học tập.

2.2.5. Xây dựng các bài tập tình huống gắn liền với ngữ cảnh môi trường xã hội trong dạy học GDH

a. Mục tiêu của biện pháp

Từ việc giải quyết các bài tập tình huống gắn liền với các ngữ cảnh môi trường sẽ giúp người học tích cực trong quá trình học tập, giúp quá trình dạy học gắn liền với thực tiễn và những biến đổi của môi trường xã hội.

b. Nội dung biện pháp

Trên cơ sở xác định các yếu tố của môi trường ảnh hưởng đến hoạt động dạy học, cũng như xem xét thực tiễn giáo dục hiện nay, xem xét những biến đổi của môi trường xã hội tác động đến giáo dục để xây dựng các tình huống dạy học (tình huống dạy học mang tính tương tác xã hội). Trong quá trình người học giải quyết các tình huống đó, sẽ nhận thức được các nội dung học tập và hình thành kỹ năng, kỹ xảo và thái độ tương ứng.

2.2.6. Xây dựng môi trường học tập phù hợp, thân thiện trong dạy học

a. Mục tiêu của biện pháp

Vận dụng quan điểm SPTT nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, hợp tác, trong đó GV chủ động thể hiện năng lực giao tiếp, ứng xử sự phạm khéo léo, SV tự tin, mạnh dạn, năng động, thành công trong học tập và cuộc sống.

b. Nội dung của biện pháp

Tác động đến các chủ thể của quá trình giao tiếp sự phạm về nhận thức và kĩ năng xây dựng mối quan hệ giao tiếp - hợp tác, xây dựng bầu không khí lớp học tích cực, cởi mở, thân thiện.

2.2.7. Đa dạng hóa các loại hình, phương pháp và chủ thể tham gia trong quá trình kiểm tra đánh giá

a. Mục tiêu của biện pháp

Vận dụng quan điểm SPTT để thay đổi nhận thức, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDH của GV, từ đó thu được kết quả học tập môn GDH của SV một cách toàn diện hơn, chính xác hơn.

b. Nội dung của biện pháp

Trên cơ sở các qui định đánh giá trong chương trình môn GDH và các nguyên tắc kiểm tra, đánh giá dạy học, nhà trường, khoa, GV giảng dạy môn học sử dụng kết hợp nhiều loại hình và phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDH của SV theo hướng kích thích tính tích cực, nỗ lực học tập không ngừng của SV, đáp ứng yêu cầu dạy học môn GDH theo quan điểm SPTT.

2.2.8. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Mỗi biện pháp trên đây được đề xuất đều nhằm thực hiện một mục tiêu, nhiệm vụ nhất định trong toàn bộ quá trình dạy học môn GDH theo quan điểm SPTT. Song giữa các giải pháp, biện pháp đều có mối quan hệ mật thiết thống nhất với nhau góp phần thúc đẩy mối quan hệ tương tác giữa các thành tố của quá trình dạy học, nhất là ba thành tố: người dạy - người học - môi trường, làm tăng tính tích cực, chủ động, sự hứng thú, tham gia đầy trách nhiệm của SV Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng vào quá trình học tập môn GDH, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn GDH trong nhà trường.

2.3. Thực nghiệm (TN) sự phạm biện pháp vận dụng quan điểm SPTT trong dạy học môn GDH

2.3.1. Mục đích TN sự phạm

TN nhằm xác định tính khả thi, tính hiệu quả của các biện pháp đề ra trong quá trình dạy học môn GDH.

2.3.2. Nội dung TN

Tác giả chỉ tiến hành TN kết hợp các biện pháp trong dạy học môn GDH theo quan điểm SPTT vào thực thi tổ chức các bài dạy ở chương 2 của môn GDH 2: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quá trình giáo dục. Trong chương này, để vận dụng các biện pháp đề ra, tác giả tiến hành xây dựng các chuẩn năng lực, thiết kế các tình huống dạy học mang tính ngữ cảnh gắn liền với thực tế dựa vào chuẩn năng lực đã xây dựng, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và sử dụng các đánh giá dựa vào khả năng vận dụng kiến thức để xử lý tình huống sự phạm.

2.3.3. Đối tượng TN

Tổ chức TN được tiến hành trên 2 lớp 13SPT (sự phạm Toán) và 13SPT (sự phạm tin) tại trường Đại học sư phạm – Đại học Đà Nẵng. Trong đó lớp 13SPT có sĩ số là 45 SV được chọn là lớp TN và lớp 13SPT có sĩ số là 50 sinh viên được chọn là lớp đối chứng (ĐC). Phương thức lựa chọn hai nhóm được xét tương đương nhau về các phương diện: trình độ, học lực, khả năng nhận thức, sĩ số, nội dung, môn học, tài liệu học tập và chỉ có sự khác biệt về phương thức tổ chức quá trình dạy học môn GDH.

2.3.4. Tiến trình thực nghiệm

a. Chuẩn bị TN:

Chọn lớp TN và lớp ĐC;

Xây dựng các chuẩn và thang đánh giá trong TN;

Xây dựng kế hoạch bài dạy theo chuẩn và thang đánh giá đã xây dựng.

b. Tiến hành TN sư phạm

Phát phiếu khảo sát đầu vào của lớp TN và lớp ĐC;

Tiến hành dạy học TN các biện pháp (lớp TN) và lớp ĐC vẫn dạy theo cách thức cũ;

Phát phiếu khảo sát đầu ra của lớp TN và lớp ĐC.

c. Xử lý kết quả TN

Sử dụng các công thức toán học để xử lý kết quả.

2.3.5. Xây dựng chuẩn năng lực và thang đánh giá TN

a. Chuẩn đánh giá yếu tố người học

*Chuẩn về mặt kiến thức:

Dựa trên kết quả nắm rõ tri thức của người học, gồm các tiêu chí sau: Giỏi (9 - 10 điểm); Khá (7 - 8 điểm); Trung bình (5 - 6 điểm); Yếu kém (0 - 4 điểm). Dựa vào thang đánh giá nêu trên, chúng tôi xây dựng đáp án, biểu điểm cho bài kiểm tra.

* Chuẩn về năng lực tương tác xã hội

- Thứ nhất là năng lực trong tương tác người học – môi trường, gồm các tiêu chí:

Khả năng đọc và tìm các tài liệu liên quan đến bài học;

Khả năng truy cập và khai thác thông tin, tư liệu, học liệu trên mạng internet và hệ thống thư tin điện tử;

Khả năng vận dụng kiến thức về xã hội, biến đổi xã hội hiện nay để giải quyết các tình huống sư phạm liên quan.

- Thứ hai là lực năng trong tương tác người học – người dạy, gồm các tiêu chí:

Chú ý lắng nghe và quan sát để thông hiểu những yêu cầu, chỉ dẫn làm việc hoặc hoạt động của GV;

Đặt câu hỏi với giáo viên về các vấn đề liên quan đến học tập;

Tích cực phát biểu, trình bày những vấn đề mà giáo viên yêu cầu;

Chủ động chia sẻ tình cảm, băn khoăn, trăn trở về học tập và cuộc sống đối với giáo viên;

Năng lực quan sát và đọc được những biểu hiện không lời của GV và có những điều chỉnh về hành vi, thái độ cho phù hợp.

- Thứ ba là năng lực trong tương tác người học – người học, gồm các tiêu chí:

Tin tưởng vào bản thân, bạn học và khả năng thành công của nhóm học tập;

Không ngại tranh luận với các bạn trong nhóm, trong lớp để giải quyết hiệu quả nhiệm vụ học tập;

Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong nhóm, trong lớp vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống và nhiệm vụ học tập;

Tích cực thực hiện nhiệm vụ cá nhân để hướng tới nhiệm vụ học tập chung;

Năng lực điều chỉnh tương tác nhóm cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

b. Chuẩn đánh giá yếu tố người dạy

GV xác định mục tiêu dạy học rõ ràng;

GV xây dựng các bài tập tình huống thực tiễn phù hợp với hoạt động dạy học;

GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp, kích thích được tính tích cực của người học;

GV luôn đưa ra các bài tập và yêu cầu đòi hỏi bạn phải tìm kiếm tài liệu và vận dụng những kiến thức thực tế để giải quyết vấn đề;

GV sử dụng các biện pháp, hình thức kiểm tra phát huy đúng năng lực người học;

GV cởi mở, thân thiện, khuyến khích người học trong quá trình dạy học;

GV thiết kế các học liệu và phương tiện dạy học đa dạng, phong phú, kích hoạt được người học.

c. Chuẩn đánh giá yếu tố môi trường

Chất lượng của ánh sáng, âm thanh phục vụ dạy học tốt; phòng học yên tĩnh và được thiết kế hợp lý;

Phòng học được sắp xếp thuận tiện cho người học di chuyển, trao đổi;

Phương tiện, thiết bị dạy học đầy đủ, kích hoạt được người học;

Học liệu phục vụ học tập đa dạng, phong phú và thuận lợi để người học tìm kiếm hoặc khai thác;

Mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp thân thiện, gần gũi, gắn bó.

2.3.6. Kết quả TN sư phạm

a. Kết quả đánh giá người học

*Kết quả về mặt nhận thức

Nội dung kiểm tra là kiến thức phần chương 2 của học phần GDH 2: Những vấn đề chung về lý luận giáo dục. Yêu cầu SV phải đạt được các mức độ nhận thức: nhớ, hiểu, vận dụng giải quyết bài tập và tình huống giáo dục trong thực tiễn. Chúng tôi đánh giá bài kiểm tra của SV dựa trên tiêu chí đã xây dựng ở mục 2.3.5 từ kết quả bài làm của SV, chúng tôi tiến hành tính điểm trung bình, tính phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên của hai lớp và thu được kết quả như sau:

- Kết quả khảo sát đầu vào thực nghiệm

Bảng 1. Kết quả kiểm tra nhận thức trước TN

		Tần số lớp TN (f1)	Tần số lớp ĐC (f2)
Điểm xi	1	0	0
	2	0	0
	3	0	1
	4	1	1
	5	4	5
	6	17	18
	7	14	17
	8	8	7
	9	1	1
	10	0	0
Tổng số SV: $\sum f_i$		45	50
Điểm trung bình: $\bar{X}$		6,60	6,48
Phương sai: σ		1,06	1,21
Độ lệch chuẩn: δ		1,030	1,100
Hệ số biến thiên: $C_v(\%)$		16,06	18,67

Bảng 2. Kết quả kiểm tra nhận thức trước TN theo mức độ nhận thức

Nhóm	Tổng số bài	Kết quả các bài kiểm tra (%)			
		Yếu kém	Trung bình	Khá	Giỏi
TN	45	2,22	46,67	31,11	20,00
ĐC	50	4,00	46,00	34,00	16,00

Xét Bảng 1 và Bảng 2, chúng ta thấy có sự tương đồng về trình độ của hai lớp là khá cao: điểm trung bình bài kiểm tra trước TN của lớp TN là 6,60 còn lớp ĐC là 6,48; độ lệch chuẩn của điểm kiểm tra trước TN của cả hai lớp TN, ĐC lần lượt là 1,03 và 1,10 đều đảm bảo độ tin cậy và chênh lệch nhau không nhiều; hệ số biến thiên của điểm số lớp TN là 16,06% và lớp ĐC là 18,67% là đảm bảo độ tin cậy; trình độ của SV về phần kiến thức “Giáo dục học 2” của hai nhóm khá đồng đều, đa phần ở mức độ trung bình.

- Kết quả khảo sát đầu ra thực nghiệm

Sau khi tiến hành dạy TN, chúng tôi tổ chức kiểm tra, đánh giá và thu được kết quả như sau:

Bảng 3. Kết quả kiểm tra nhận thức sau TN

Điểm xi		Tần số lớp TN (f ₁)	Tần số lớp ĐC (f ₂)
	1	0	0
	2	0	0
	3	0	0
	4	0	1
	5	3	6
	6	12	16
	7	16	17
	8	11	8
	9	3	2
	10	0	0
Tổng số SV: $\sum f_i$		45	50
Điểm trung bình: $\bar{X}$		6,97	6,62
Phương sai: σ		1,07	1,18
Độ lệch chuẩn: δ		1,034	1,087
Hệ số biến thiên: $C_v(\%)$		14,83	16,42

Bảng 4. Kết quả kiểm tra nhận thức sau TN xét theo mức độ nhận thức

Nhóm	Tổng số bài	Kết quả các bài kiểm tra (%)			
		Yếu kém	Trung bình	Khá	Giỏi
TN	45	0	33,33	35,56	31,11
ĐC	50	2,00	44,00	34,00	20,00

Qua Bảng 3 và Bảng 4 chúng ta thấy có sự khác biệt về điểm kiểm tra sau TN của lớp TN và lớp ĐC. Cụ thể, lớp TN điểm giỏi chiếm 31,11% trong khi lớp ĐC điểm giỏi chỉ chiếm 20,00%. Tuy nhiên, xét ở điểm trung bình cộng và các giá trị khác (như Bảng 3) thì chúng ta thấy sự khác biệt giữa hai lớp sau thực nghiệm là không nhiều. Cụ thể, điểm trung bình kiểm tra của lớp TN cao hơn lớp ĐC 0,35 điểm (6,97 – 6,62). Trong khi mức chênh lệch của 2 lớp trước TN là 0,12 (6,60- 6,48); độ lệch chuẩn của lớp TN (1,07) thấp hơn lớp ĐC (1,18) cũng chính vì thế hệ số biến thiên (hệ số phân tán) trong điểm số của lớp TN thấp hơn lớp ĐC.

Qua kết quả nhận thức có sự khác nhau trong mức độ nhận thức của lớp TN và lớp ĐC khi vận dụng quan điểm

SPTT trong dạy học môn GDH. Tuy nhiên sự chênh lệch này là không nhiều giữa việc dạy học theo hình thức trước và dạy học theo quan điểm SPTT.

* Kết quả đánh giá về năng lực tương tác xã hội

Bảng 5. Kết quả đánh giá về năng lực tương tác xã hội của yếu tố người học

TT	Chuẩn năng lực	TN (%)	ĐC (%)
1	Tương tác người học – môi trường		
1.1	Khả năng đọc và tìm các tài liệu liên quan đến bài học	51,11	30,00
1.2	Khả năng truy cập và khai thác thông tin, tư liệu, học liệu trên mạng internet và hệ thống thư tin điện tử	60,00	26,00
1.3	Khả năng vận dụng kiến thức về xã hội, biến đổi xã hội hiện nay để giải quyết các tình huống sư phạm liên quan	84,44	24,00
2	Tương tác người học – người dạy		
2.1	Chú ý lắng nghe và quan sát để thông hiểu những yêu cầu, chỉ dẫn làm việc hoặc hoạt động của GV	31,11	32,00
2.2	Đặt câu hỏi với giáo viên về các vấn đề liên quan đến học tập	46,67	28,00
2.3	Chủ động chia sẻ tình cảm, băn khoăn, trăn trở về học tập và cuộc sống đối với giáo viên	26,67	12,00
2.4	Năng lực quan sát và đọc được những biểu hiện không lời của GV và có những điều chỉnh về hành vi, thái độ cho phù hợp	20,00	18,00
3	Tương tác người học - người học		
3.1	Tin tưởng vào bản thân, bạn học và khả năng thành công của nhóm học tập	42,22	34,00
3.2	Không ngại tranh luận với các bạn trong nhóm, trong lớp để giải quyết hiệu quả nhiệm vụ học tập	57,78	30,00
3.3	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong nhóm, trong lớp vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống và nhiệm vụ học tập	57,78	60,00
3.4	Tích cực thực hiện nhiệm vụ cá nhân để hướng tới nhiệm vụ học tập chung	66,67	38,00
3.5	Năng lực điều chỉnh tương tác nhóm cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế	71,11	42,00
Trung bình cộng (%)		51,29	31,16

b. Kết quả đánh giá người dạy

Bảng 6. Kết quả đánh giá về năng lực tương tác xã hội của yếu tố người dạy

TT	Chuẩn năng lực	TN (%)	ĐC (%)
1	Giáo viên xác định mục tiêu dạy học rõ ràng	75,56	78,00
2	Giáo viên xây dựng các bài tập tình huống thực tiễn phù hợp với hoạt động dạy học	91,11	38,00
3	Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp, kích thích được tính tích cực của người học	86,67	58,00
4	Giáo viên luôn đưa ra các bài tập và yêu cầu đòi hỏi bạn phải tìm kiếm tài liệu và vận dụng những kiến thức thực tế để giải quyết vấn đề	82,22	36,00

5	Giáo viên sử dụng các biện pháp, hình thức kiểm tra phát huy đúng năng lực người học	48,89	50,00
6	Giáo viên cởi mở, thân thiện, khuyến khích người học trong quá trình dạy học	80,00	42,00
7	Giáo viên thiết kế các học liệu và phương tiện dạy học đa dạng, phong phú, kích hoạt được người học	64,44	66,00
Trung bình cộng (%)		75,56	52,57

c. Kết quả đánh giá yếu tố môi trường

Bảng 7. Kết quả đánh giá về năng lực tương tác xã hội của yếu tố môi trường

TT	Chuẩn năng lực	TN (%)	ĐC (%)
1	Chất lượng của ánh sáng, âm thanh phục vụ dạy học tốt; phòng học yên tĩnh và được thiết kế hợp lý	40,00	32,00
2	Phòng học được sắp xếp thuận tiện cho người học di chuyển, trao đổi	48,89	58,00
3	Phương tiện, thiết bị dạy học đầy đủ, kích hoạt được người học	64,44	40,00
4	Học liệu phục vụ học tập đa dạng, phong phú và thuận lợi để người học tìm kiếm hoặc khai thác	37,78	42,00
5	Mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp thân thiện, gần gũi, gắn bó	57,78	60,00
Trung bình cộng		49,78	46,00

Kết quả khảo sát về năng lực tương tác xã hội cho thấy có sự khác biệt rõ ràng hơn giữa lớp TN và lớp ĐC. Cụ thể là tương tác thể hiện ở yếu tố người học, xét điểm trung bình cộng thì lớp TN là 51,29% trong khi lớp ĐC chỉ có 31,16%; ở yếu tố người dạy thì điểm trung bình cộng của lớp TN là 75,56% trong khi lớp ĐC là 52,57% và xét ở yếu tố môi trường thì mức độ chênh lệch là không nhiều như lớp TN là 49,78%; lớp ĐC là 46,00%, có điều này là do trong quá trình dạy TN yếu tố môi trường ít có sự thay đổi (phòng học, không gian học tập như cũ, lớp học đông).

Nhận xét cụ thể ở từng tiêu chí thì ở yếu tố người học khả năng vận dụng kiến thức về xã hội, biến đổi xã hội hiện nay để giải quyết các tình huống sự phạm liên quan ở lớp TN có tới 84,44% SV lựa chọn, trong khi ở lớp ĐC con số này là 24,00% hay năng lực điều chỉnh tương tác nhóm cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế lớp TN là 71,11%, còn lớp ĐC là 42,00%. Con số này cho thấy có sự tương tác cao hơn giữa người học với các yếu tố khác của quá trình dạy học khi vận dụng các biện pháp của quan điểm sự phạm tương tác. Xét

cụ thể các tiêu chí của yếu tố người dạy ta thấy “Giáo viên xây dựng các bài tập tình huống thực tiễn phù hợp với hoạt động dạy học” lớp TN là 91,11, còn lớp ĐC là 38%, hay “Giáo viên luôn đưa ra các bài tập và yêu cầu đòi hỏi bạn phải tìm kiếm tài liệu và vận dụng những kiến thức thực tế để giải quyết vấn đề” - lớp TN là 82,22%, còn lớp ĐC con số này là 36,00%. Như vậy, sự tương tác ở yếu tố người dạy là cao hơn rất nhiều so với sử dụng cách dạy học ở lớp ĐC.

Như vậy, khi vận dụng các biện pháp của quan điểm SPTT vào dạy học môn GDH ta thấy về mặt kiến thức thì không có sự chênh lệch nhiều, cả hai lớp dạy vẫn đảm bảo và ngang nhau. Nhưng về chuẩn tương tác xã hội thì ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC. Kết quả TN sự phạm trên đã phần nào khẳng định hiệu quả của quan điểm SPTT trong dạy học môn GDH.

3. Kết luận

SPTT là cách tiếp cận hoạt động dạy học, đặc biệt nhấn mạnh các mối quan hệ qua lại giữa ba nhân tố người học, người dạy và môi trường trong hoạt động sự phạm.

Kết quả TN sự phạm vận dụng các biện pháp quan điểm SPTT trong dạy học môn GDH bước đầu đã cho thấy tính hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp đề ra.

Từ kết quả trên, chúng tôi đề xuất một số các khuyến nghị như sau:

- Nhà trường cần tăng cường trang bị các trang thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng được yêu cầu dạy học. Đồng thời bố trí phòng học cho các lớp rộng rãi, thoáng mát. Mỗi lớp không quá 50 sinh viên.

- Giáo viên cần nâng cao năng lực dạy học và giáo dục trong tổ chức các hoạt động dạy học, trong đó có tính đến các tương tác sự phạm giữa ba yếu tố người dạy – người học và môi trường.

- Trong đánh giá hiệu quả dạy học của giảng viên và chất lượng học tập của sinh viên, ngoài đánh giá về mặt kiến thức, cần đánh giá mặt tương tác giữa các yếu tố và xem đó như là yêu cầu bắt buộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phó Đức Hoà, Ngô Quang Sơn (2011), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sự phạm tương tác*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Đặng Thành Hưng (2005), *Tương tác thầy - trò trên lớp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] *Luật Giáo dục* (2009), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

(BBT nhận bài: 13/11/2015, phản biện xong: 27/11/2015)